

**NGHỊ QUYẾT**

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách tỉnh năm 2016**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 và Quyết định số 2502/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4266/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015 và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua dự toán ngân sách Nhà nước năm 2016 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 7.550.000 triệu đồng.

*(Trong đó thu nội địa là 5.050.000 triệu đồng, thu từ dầu thô là 2.150.000 triệu đồng và thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu là 350.000 triệu đồng)*

2. Tổng chi ngân sách địa phương: 6.761.400 triệu đồng.

*(Kèm theo các phụ lục I và II)*

**Điều 2.** Nhất trí phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2016 như sau:

1. Tổng thu cân đối ngân sách cấp tỉnh (bao gồm thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng theo phân cấp là 3.619.142 triệu đồng, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương cho ngân sách tỉnh là 1.885.350 triệu đồng) là 5.504.492 triệu đồng, chiếm 81,41% tổng thu ngân sách địa phương. Tổng thu cân đối ngân sách huyện, thị xã, thành phố là 1.256.908 triệu đồng, chiếm 18,59% tổng thu ngân sách địa phương.

2. Tổng chi cân đối ngân sách cấp tỉnh là 5.504.492 triệu đồng. Sau khi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố là 2.124.280 triệu đồng thì tổng số thực chi cân đối ngân sách tỉnh là 3.380.212 triệu đồng, chiếm 49,99% tổng chi ngân sách địa phương. Tổng chi cân đối ngân sách huyện, thị xã, thành phố (bao gồm cả bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố) là 3.381.188 triệu đồng, chiếm 50,01% tổng chi ngân sách địa phương.

3. Phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016 cho từng sở, ban, ngành ở tỉnh và mức bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách từng huyện, thị xã, thành phố theo các phụ lục III, IV, V kèm theo.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành các biện pháp thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2016 do UBND tỉnh trình và báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách, đồng thời nhấn mạnh những biện pháp chủ yếu sau đây:

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Chính phủ về chính sách tài khóa chặt chẽ, tiết kiệm để góp phần cùng Trung ương thực hiện kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Đồng thời, tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách.

Tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật thuế mới; đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu và các khoản nợ đọng thuế; thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác theo quy định của pháp luật. Tích cực khai thác nguồn thu từ quỹ đất, từ hoạt động kinh doanh, khai thác tài nguyên khoáng sản, dịch vụ du lịch, từ các cơ sở sản xuất kinh doanh có quy mô lớn mới đi vào hoạt động trong năm 2016. Quản lý tốt các nguồn thu từ các hoạt động mua, bán, chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng và cấp quyền sử dụng đất. Thực hiện thu số thuế nợ đọng từ các năm trước, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Đẩy mạnh các biện

pháp chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý giá, thực hiện các biện pháp bình ổn giá nhất là trong dịp Tết Nguyên đán Bính Thân; phát hiện xử lý kịp thời các hành vi đầu cơ, trục lợi, nâng giá, ép giá. Mọi khoản thu phát sinh phải hạch toán đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước.

2. UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện chi ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Ưu tiên bố trí vốn để thanh toán nợ xây dựng cơ bản, các công trình trọng điểm quan trọng, bức xúc của tỉnh và các công trình chuyển tiếp có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2016 nhằm phát huy hiệu quả đầu tư. Chống lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Đảm bảo kinh phí đáp ứng kịp thời cho các nhu cầu chi lương và chi hoạt động thường xuyên của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể; chi cho các nhiệm vụ trọng tâm; chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình chính sách; chi thực hiện công trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, chi cho công tác giảm nghèo và giải quyết việc làm; bố trí dự phòng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để chủ động phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và xử lý những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi qua hệ thống Kho bạc Nhà nước. Tăng cường thực hiện công khai tài chính và đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng ở từng cơ quan, đơn vị.

3. UBND tỉnh giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng sở, ban, ngành; nhiệm vụ thu, chi và mức bổ sung từ ngân sách tỉnh cho từng huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh trước ngày 20 tháng 12 năm 2015. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2016 đến từng đơn vị trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tổ chức việc công khai dự toán ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. UBND tỉnh cần có các giải pháp chỉ đạo các ngành, các cấp phấn đấu thu ngân sách vượt dự toán được giao; tích cực tìm nguồn vốn để bố trí thanh toán cho các công trình trọng điểm của tỉnh và bảo đảm thanh toán nợ vay khi đến hạn. Đồng thời, điều hành chi ngân sách theo kế hoạch và tiến độ thu.

**Điều 4.** Giao cho UBND tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện, nếu UBND tỉnh có đề nghị điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách tỉnh năm 2016, HĐND tỉnh ủy quyền cho Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước để quyết định việc điều chỉnh, bổ sung và báo cáo HĐND tỉnh trong kỳ họp gần nhất.

**Điều 5.** Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bình Thuận, khoá IX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. /.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban công tác Đại biểu Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, T.Duy

180



**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Hùng



Phụ lục I

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2016**

(Kèm theo Nghị quyết số 29/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị tính: triệu đồng.

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2016
<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn (A + B)</b>	<b>7.550.000</b>
<b>A. Tổng các khoản thu cân đối NSNN</b>	<b>7.260.000</b>
<b>I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước</b>	<b>4.760.000</b>
1/ Thu từ doanh nghiệp Nhà nước Trung ương :	924.000
- Thuế giá trị gia tăng	656.672
Trong đó : + Thu về quảng cáo truyền hình	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	186.000
Trong đó : + TNDN các đơn vị hạch toán toàn ngành	
+ Thu về quảng cáo truyền hình	
- Thuế tài nguyên	80.804
Trong đó: + Tài nguyên rừng	
+ Tài nguyên nước, thủy điện	
- Thu sử dụng vốn	
- Thuế môn bài và thu khác	524
2/ Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	210.000
- Thuế giá trị gia tăng	113.500
Trong đó : Thu về quảng cáo truyền hình	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước	1.100
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	72.000
Trong đó : Thu về quảng cáo truyền hình	
- Thuế tài nguyên	19.000
Trong đó : Tài nguyên rừng	
- Thu sử dụng vốn	
- Thuế môn bài và thu khác	4.400
3/ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	602.000
- Thuế giá trị gia tăng	411.000
Trong đó thu từ nhà thầu phụ hoạt động dầu khí	25.000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước	840
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	185.000
Trong đó thu từ nhà thầu phụ hoạt động dầu khí	25.000
- Thuế tài nguyên	250
- Tiền thuê mặt đất, mặt nước	4.000
Trong đó : Từ hoạt động dầu khí	
- Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài	
Trong đó : Từ hoạt động dầu khí	
- Các khoản thu về dầu, khí	
- Thuế môn bài và thu khác	910

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2016
4/ Thuế CTN và dịch vụ ngoài quốc doanh	885.000
- Thuế giá trị gia tăng	675.770
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước	9.400
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	140.845
- Thuế tài nguyên	23.517
Trong đó: Tài nguyên rừng	
- Thuế môn bài	20.560
- Thu khác ngoài quốc doanh	14.908
5/ Lệ phí trước bạ	165.000
6/ Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.000
7/ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.000
8/ Thuế thu nhập cá nhân	270.000
9/ Thuế bảo vệ môi trường	690.000
10/ Thu phí và lệ phí	70.000
- Phí và lệ phí trung ương	27.000
- Phí và lệ phí tỉnh, huyện	37.500
- Phí và lệ phí xã, phường	5.500
11/ Thu tiền sử dụng đất	530.000
12/ Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	5.000
13/ Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	104.000
14/ Thu khác của xã	16.000
15/ Thu khác ngân sách	192.000
- Thu phạt an toàn giao thông	100.000
16/ Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	85.000
<b>II. Thu từ dầu thô</b>	<b>2.150.000</b>
<b>III. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>350.000</b>
<b>B. Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN</b>	<b>290.000</b>
1/ Thu xổ số kiến thiết	200.000
2/Thu phí, lệ phí	50.000
- Học phí	19.800
- Viện phí	
- Phí, lệ phí khác	30.200
3/ Thu khác ngân sách	40.000
- Thu đóng góp	27.800
- Thu phạt, thu khác	12.200
<b>Tổng thu NSDP (A + B)</b>	<b>6.761.400</b>
<b>A. Các khoản thu cân đối NSDP</b>	<b>6.471.400</b>
- Các khoản thu 100%	1.223.923
- Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	3.362.127
- Thu bổ sung từ NSTW	1.885.350
- Thu kết dư	
- Thu tiền vay	
<b>B. Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN</b>	<b>290.000</b>



Phụ lục II

**DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2016 CỦA TỈNH BÌNH THUẬN**

(Kèm theo Quyết định số 88/2015/QĐ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị tính: triệu đồng.

<b>NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI</b>	<b>DỰ TOÁN NĂM 2016</b>
<b>TỔNG CHI NSDP (A + B + C)</b>	<b>6.761.400</b>
<b>A. Chi cân đối ngân sách</b>	<b>5.923.627</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>1.032.000</b>
1. Chi Xây dựng cơ bản	856.300
<i>Trong đó: Chi đầu tư XDCB từ tiền sử dụng đất</i>	<i>354.300</i>
2. Chi hoàn ứng ngân sách và trả nợ vay	100.000
3. Kinh phí dự án xây dựng hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	30.000
4. Chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	0
5. Chi bổ sung Quỹ phát triển đất	45.700
<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>4.769.955</b>
1. Chi sự nghiệp kinh tế	367.246
Trong đó :	
- Chi sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi	156.377
- Chi sự nghiệp giao thông	29.338
- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	9.520
- Chi sự nghiệp khác	144.037
<i>Trong đó kinh phí cấp bù thủy lợi phí</i>	<i>79.422</i>
- Chi quy hoạch	14.000
2. Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề	2.344.206
- Chi giáo dục	2.218.871
- Chi đào tạo, dạy nghề	125.335
3. Chi sự nghiệp y tế	498.669
4. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	19.050
5. Chi sự nghiệp văn hoá	60.534
6. Chi sự nghiệp thông tin truyền thông	37.121
7. Chi sự nghiệp thể dục thể thao	23.716
8. Chi đảm bảo xã hội	214.506

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	DỰ TOÁN NĂM 2016
9. Chi sự nghiệp môi trường	55.184
10. Chi quản lý hành chính	893.384
<i>Trong đó :</i>	
- Hội đồng nhân dân và đoàn đại biểu Quốc hội	60.083
- Quản lý Nhà nước	241.883
- Hoạt động cơ quan Đảng	127.915
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể	60.628
11. Chi an ninh quốc phòng địa phương	191.344
- Chi giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội	68.633
- Chi quốc phòng địa phương	122.711
12. Chi khác ngân sách	34.995
13. Chi từ nguồn thu phạt vi phạm hành chính (có an toàn giao thông)	30.000
<b>III. Chi thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>6.642</b>
<b>IV. Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>
<b>V. Dự phòng</b>	<b>114.030</b>
<b>B. Chi chương trình mục tiêu, một số nhiệm vụ Trung ương giao</b>	<b>547.773</b>
1. Bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia	52.038
2. Bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ bản	368.722
3. Bổ sung thực hiện chế độ chính sách và một số nhiệm vụ	127.013
<i>Trong đó: - Kinh phí thực hiện chính sách bảo hiểm y tế</i>	41.000
<b>C. Chi từ nguồn để lại quản lý qua NSNN</b>	<b>290.000</b>
1. Xổ số kiến thiết	200.000
2. Các nguồn khác	90.000





**Phụ lục III**  
**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2016**

*(Kèm theo Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Bình Thuận)*

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2016
1	2	3
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách cấp Tỉnh</b>	<b>5.504.492</b>
1	Thu ngân sách cấp Tỉnh hưởng theo phân cấp	3.619.142
	- Các khoản thu ngân sách cấp Tỉnh hưởng 100%	924.250
	- Các khoản thu phân chia phần ngân sách cấp tỉnh hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.694.892
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	1.885.350
	- Bổ sung cân đối	1.115.240
	- Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	0
	- Bổ sung có mục tiêu	770.110
	Trong đó : vốn XDCB ngoài nước	
3	Huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	
4	Thu kết dư ngân sách năm trước	
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp Tỉnh</b>	<b>5.504.492</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp Tỉnh theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	3.380.212
2	Bổ sung cho ngân sách Huyện, Thành phố	2.124.280
	- Bổ sung cân đối	2.073.663
	- Bổ sung có mục tiêu	50.617
	Trong đó : vốn XDCB ngoài nước	
<b>B</b>	<b>Ngân sách Huyện, Thị xã, Thành phố (bao gồm ngân sách xã, phường, thị trấn)</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách cấp Huyện, Thị xã, Thành phố</b>	<b>3.381.188</b>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	1.256.908
	- Các khoản thu NS Huyện, Thị xã, Thành phố hưởng 100%	589.673
	- Các khoản thu phân chia NS huyện, thị xã, thành phố hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	667.235
2	Bổ sung từ ngân sách cấp Tỉnh	2.124.280
	- Bổ sung cân đối	2.073.663
	- Bổ sung có mục tiêu	50.617
	Trong đó : vốn XDCB ngoài nước	
3	Thu kết dư ngân sách năm trước	
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách Huyện, Thị xã, Thành phố</b>	<b>3.381.188</b>





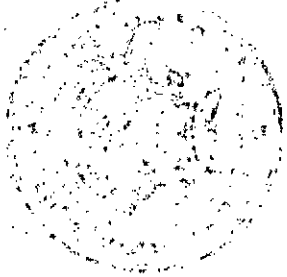
**Phụ lục IV**

**DỰ TOÁN THU, CHI VÀ SỐ BỔ SUNG NGÂN SÁCH CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2016**

*(Kèm theo Nghị quyết số 87/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Bình Thuận)*

*Đơn vị tính: triệu đồng.*

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu NS huyện, thị xã, thành phố được hưởng theo phân cấp	Dự toán chi NS huyện, thị xã, thành phố	Số bổ sung NS tính cho NS huyện, thị xã, thành phố			
					Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu	Trong đó vốn ngoài nước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3-2</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
1	Phan Thiết	755.000	419.045	493.768	74.723	71.955	2.768	
2	Tuy Phong	234.000	129.750	389.333	259.583	256.546	3.037	
3	Bắc Bình	110.000	78.900	364.002	285.102	281.980	3.122	
4	Hàm Thuận Bắc	176.000	141.650	432.382	290.732	288.469	2.263	
5	Hàm Thuận Nam	151.000	117.080	291.168	174.088	172.411	1.677	
6	La Gi	151.000	115.443	278.776	163.333	144.825	18.508	
7	Hàm Tân	89.000	68.950	245.907	176.957	166.863	10.094	
8	Đức Linh	120.000	83.750	345.180	261.430	255.110	6.320	
9	Tánh Linh	96.000	83.350	382.984	299.634	297.323	2.311	
10	Phú Quý	23.000	18.990	157.688	138.698	138.181	517	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.905.000</b>	<b>1.256.908</b>	<b>3.381.188</b>	<b>2.124.280</b>	<b>2.073.663</b>	<b>50.617</b>	





Phụ lục V

BIỂU PHẪN BỔ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2016

Kính theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN NĂM 2016	Chi từ nguồn cân đối NSDP														KHÁC	CHI CTMT, NHIỆM VỤ	Nguồn KP thực hiện cải cách tiền lương	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN	
			Chi thường xuyên																		
			Tổng số	Chi đầu tư	Tổng số	SN KINH TẾ	SN GD ĐT	SN Y TẾ	SN KHCN	SN VH	SN TTTT	SN TDTT	SN XH	SN MÔI TRƯỜNG	QUẢN LÝ HC	KHÁC					
A	B	1=2+6+7	2=3+4+5	3	4	4a	4b	4c	4d	4e	4f	4g	4h	4i	4j	4K	5	6	7	8	
I	Các cơ quan đơn vị của Tỉnh	3.272.557	2.508.142	850.000	1.658.142	312.247	459.835	237.809	19.050	38.010	27.024	21.224	91.225	20.184	286.058	145.476			547.773	6.642	210.000
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND	9.738	9.738		9.738										9.738						
2	Văn phòng UBND Tỉnh và đơn vị trực thuộc	21.235	21.235		21.235										21.235						
3	Sở Kế hoạch Đầu tư	10.015	10.015		10.015	1.035									8.980						
4	Ngành Tư pháp	7.384	7.384		7.384								1.448		5.936						
5	Ngành Công thương	19.515	19.515		19.515	4.536									14.979						
6	Sở Nội vụ và các đơn vị trực thuộc	29.595	29.595		29.595		10.000								19.595						
7	Ngành Khoa học Công nghệ	8.308	8.308		8.308				3.743						4.565						
8	Ngành Tài chính	10.841	10.841		10.841	1.428									9.413						
9	Ngành lao động TBXH	82.708	82.708		82.708		8.580						68.608		5.520						
10	Ngành Xây dựng	7.891	7.891		7.891	640									7.251						
11	Ngành Giao thông Vận tải	31.042	31.042		31.042	21.979									9.063						
12	Sở Thông tin truyền thông	7.436	7.436		7.436						3.020				4.416						
13	Ngành Tài nguyên môi trường	43.995	43.995		43.995	29.666								9.330	4.999						
14	Ngành Văn hóa Thể thao Du lịch	84.331	84.331		84.331	2.015	17.535			36.197		21.224	255		7.105						
15	Ban An toàn giao thông	3.459	3.459		3.459	3.459															
16	Thanh tra Tỉnh	6.513	6.513		6.513										6.513						
17	Đài phát thanh truyền hình	18.704	18.704		18.704						18.704										
18	Ban Dân tộc	20.723	20.723		20.723	2.000							15.528		3.195						
19	BQL các khu công nghiệp	2.753	2.753		2.753										2.753						
20	Sở Giáo dục Đào tạo	320.513	320.513		320.513		312.859								7.654						
21	Ngành Y tế	218.824	218.824		218.824			210.490							8.334						
22	Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ	6.819	6.819		6.819			6.819													
23	Ngành Nông nghiệp & PTNT	167.016	167.016		167.016	150.167								8.354	8.495						
24	VP Ban Chỉ huy PCLB&TKCN	1.900	1.900		1.900	1.900															
25	Trường chính trị	10.903	10.903		10.903		10.903														
26	Trường Cao đẳng cộng đồng	20.900	20.900		20.900		20.900														
27	Trường Cao đẳng y tế	14.436	14.436		14.436		14.436														
28	Trường Cao đẳng nghề	16.473	16.473		16.473		16.473														
29	Tỉnh uỷ Bình Thuận	58.520	58.520		58.520										58.520						
30	Báo Bình Thuận	14.024	14.024		14.024										14.024						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN NĂM 2016	Chi từ nguồn cân đối NSDP														CHI CTMT, NHIỆM VỤ	Nguồn KP thực hiện cải cách tiến hương	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN	
			Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên											KHÁC				
					Tổng số	SN KINH TẾ	SN GD ĐT	SN Y TẾ	SN KHCN	SN VH	SN TTTT	SN TDTT	SN XH	SN MÔI TRƯỜNG	QUẢN LÝ HC					KHÁC
A	B	1=2+6+7	2=3+4+5	3	4	4a	4b	4c	4d	4e	4f	4g	4h	4i	4j	4k	5	6	7	8
31	Đoàn khối doanh nghiệp	409	409		409										409					
32	Đoàn khối các cơ quan tỉnh	562	562		562										562					
33	Hội khuyến học	641	641		641										641					
34	Ban đại diện Người cao tuổi	303	303		303										303					
35	Hội nhà báo	248	248		248										248					
36	Hội Cựu tù chính trị	275	275		275										275					
37	UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	4.723	4.723		4.723										4.723					
38	Tinh đoàn	6.142	6.142		6.142					1.815					4.329					
39	Hội Liên Hiệp phụ nữ	2.918	2.918		2.918										2.918					
40	Hội Nông dân	3.896	3.896		3.896		340						300		3.256					
41	Hội Cựu chiến binh	1.854	1.854		1.854										1.854					
42	Hội Chữ thập đỏ	1.726	1.726		1.726										1.726					
43	Hội Luật gia	680	680		680										680					
44	Hội Đông y	987	987		987										987					
45	Hội người mù	453	453		453										453					
46	Hội Văn học nghệ thuật	730	730		730										730					
47	Liên minh các Hợp tác xã	1.611	1.611		1.611										1.611					
48	Liên hiệp các hội khoa học KT	2.732	2.732		2.732				2.732											
49	Câu lạc bộ Hữu trí Tỉnh	429	429		429										429					
50	Hội Vac Vina	0	0		0										0					
51	Hội thân nhân kiều bào	0	0		0										0					
52	Hội nạn nhân chất độc DIOXIN	404	404		404										404					
53	Hội Kế hoạch hoá gia đình	0	0		0										0					
54	Hội Cựu thanh niên xung phong	564	564		564										564					
55	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	373	373		373										373					
56	Hội Người tiêu dùng	0	0		0										0					
57	Chi công việc, nhiệm vụ khác	348.968	348.968		348.968	93.422	47.509	20.500	12.575		5.300		5.086	2.500	16.300	145.476				
II	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000		0												1.000			
III	Dự phòng ngân sách	106.655	106.655		0												106.655			
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.380.212</b>	<b>2.615.797</b>	<b>850.000</b>	<b>1.658.142</b>	<b>312.247</b>	<b>459.835</b>	<b>237.809</b>	<b>19.050</b>	<b>38.010</b>	<b>27.024</b>	<b>21.224</b>	<b>91.225</b>	<b>20.184</b>	<b>286.058</b>	<b>145.476</b>	<b>107.655</b>	<b>547.773</b>	<b>6.642</b>	<b>210.000</b>